

Số: 1981/2026/TBĐG-BP

Gia Lai, ngày 19 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Quyền sử dụng đất ở tại địa bàn phường An Nhơn Đông năm 2026 – Đợt 2)

- 1. Tài sản đấu giá:** Quyền sử dụng đất ở tại địa bàn phường An Nhơn Đông năm 2026 - đợt 2.
- Tổng số lượng các lô đấu giá quyền sử dụng đất: 70 lô.
 - Tổng diện tích: 7.784,40 m²,
 - Tổng giá khởi điểm: **67.762.986.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi bảy tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

(Ký hiệu, vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá các lô đất có phụ lục chi tiết kèm theo thông báo đấu giá số 1981/2026/TBĐG-BP ngày 19/9/2026).

2. Người có tài sản đấu giá:

Ban Quản lý Dịch vụ công ích và Phát triển quỹ đất phường An Nhơn Đông.

Địa chỉ: Số 244 đường Trường Chinh, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản :

Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú.

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, đường A2 khu TĐC Đê Đông - Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức phiên đấu giá, cụ thể:

Phiên đấu giá ngày: 30/9/2026 gồm các lô đất ở tại địa bàn phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

(Ký hiệu, vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục kèm theo thông báo số 1981/2026/TBĐG-BP ngày 19/9/2026).

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến 16 giờ 00 phút ngày **27/9/2026**.

+ Tại Ban Quản lý Dịch vụ công ích và Phát triển quỹ đất phường An Nhơn Đông (Địa chỉ: Số 244 đường Trường Chinh, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai): Từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút, ngày **28/9/2026**.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Đến 16 giờ 00 phút, ngày **28/9/2026**.

- Tổ chức đấu giá: từ 10 giờ 00 phút, ngày **30/9/2026**, tại Ban Quản lý Dịch vụ công ích và Phát triển quỹ đất phường An Nhơn Đông (Địa chỉ: Số 244 đường Trường Chinh, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai).



5. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Tất cả các cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, có nhu cầu mua đất để xây dựng nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá; phải nộp hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ và khoản tiền đặt trước theo đúng quy định.

- Không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

- **Bộ hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ, gồm các loại chứng từ, cụ thể:**

+ 01 Giấy đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu Công ty ĐGHD Bình Phú phát hành);
+ 01 bản photo hình ảnh chụp lại CCCD điện tử trên phần mềm VNeID;
+ 01 bản gốc/ bản photo Chứng từ nộp tiền của tiền đặt trước nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 bản gốc chứng từ nộp tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 phiếu trả giá gián tiếp (vòng 1) đựng trong bì thư, có ghi họ tên người tham gia đấu giá, tài sản đấu giá, niêm phong và ký giáp lai.

➔ Các loại giấy tờ trên: bấm theo từng lô riêng biệt, bỏ vào bì thư do công ty cung cấp có ghi họ tên khách hàng tham gia và nộp vào thùng Hồ sơ khách hàng.

Lưu ý: Hồ sơ ghi đầy đủ nội dung, không được tẩy, xóa; không được sửa đổi, bấm theo từng lô và có chữ ký của người đăng ký. Nếu vi phạm, xem như không hợp lệ. Khách hàng sử dụng bút bi xanh, màu mực không thể xóa được; *Nếu hồ sơ viết bằng bút bi mờ (có thể tẩy xóa được): hồ sơ không hợp lệ.*

6. Nộp khoản tiền đặt trước tham gia đấu giá:

Tên tài khoản nộp: Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú:

- Số tài khoản: 4300000064123 tại Ngân hàng Agribank - CN Bình Định
- Số tài khoản: 522019010002 tại Ngân hàng Sacombank - CN Tam Quan
- Số tài khoản: 5819064123 tại Ngân hàng BIDV - CN Phú Tài
- Số tài khoản: 118002780120 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Phú Tài
- Số tài khoản: 9914064123 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Quy Nhơn

Lưu ý:

+ **Cách thức nộp Tiền đặt trước tham gia đấu giá: nộp riêng từng lô vào tài khoản ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh Bình Phú.**

+ Nội dung ghi trong Giấy chuyển tiền: ghi tên người tham gia đấu giá + địa điểm lô đất tại phường. (Ví dụ: Nguyễn Văn A nộp tiền đấu giá đất phường...).

Nếu không ghi nội dung tên người tham gia đấu giá và địa điểm cụ thể: hồ sơ không hợp lệ.

+ **Chứng từ nộp tiền:** nộp Bản chính hoặc bản sao;

Nếu chuyển tiền qua banking: chứng từ đó phải thể hiện Giao dịch đã thành công, Mã số giao dịch, Thời gian giao dịch, Tên người tham gia đấu giá, Địa điểm lô đất (phường);

Mỗi chứng từ nộp tiền: chỉ dùng cho 01 lô đất. Nếu trùng chứng từ nộp tiền, xem như hồ sơ các lô đất khác không hợp lệ.

+ **Phải nộp đúng số tiền Thông báo**, tất cả trường hợp không đúng số tiền Thông báo đều không hợp lệ, trừ trường hợp khách hàng có nhiều hơn 01 giấy nộp tiền, thì tổng số tiền trên các giấy nộp tiền đó phải bằng với số tiền theo Thông báo

7. Hình thức và phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp tại vòng 01 (lấy 03 mức giá cao nhất vào vòng 02) và đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá từ vòng 02 trở đi.

- Phương thức đấu giá: trả giá lên, bán riêng từng lô.

- **Quy định về giá trả tại vòng 1 (vòng bỏ phiếu gián tiếp):** Người tham gia đấu giá bắt buộc phải trả giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm nhưng phải **tròn bước giá**. (Ví dụ: giá trả = giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên).

+ **Ví dụ cách trả giá:** Lô đất số 01 – khu G có giá khởi điểm: 100 triệu đồng, bước giá: 10 triệu đồng. Người tham gia đấu giá ghi phiếu trả giá chọn ghi như sau:

- * Bước giá trả cộng thêm bằng số là: 0 bước, 01 bước, 02 bước, 03 bước, ...
- * Bước giá trả cộng thêm bằng chữ là: khởi điểm, một bước, hai bước, ba bước, ...
- + Và phải ghi đầy đủ 02 mục bằng chữ và bằng số: trong phiếu trả giá.

8. Quy định về giá trúng đấu giá:

Giá trúng đấu giá = Giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên.

9. **Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:** Liên tục kể từ ngày ra thông báo cho đến trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi tọa lạc của lô đất.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú.

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, đường A2 khu TĐC Đê Đông - Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

- Ban Quản lý Dịch vụ công ích và Phát triển quỹ đất phường An Nhơn Đông.

Địa chỉ: Số 244 đường Trường Chinh, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

- UBND phường An Nhơn Đông.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp, Sở Tài chính đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan;
- Ban Quản lý phường An Nhơn Đông – niêm yết;
- UBND phường An Nhơn Đông – niêm yết;
- Đăng tải trang thông tin điện tử công ty;
- Niêm yết, lưu Công ty.



Đào Đức Thọ

PHỤ LỤC

ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG AN NHƠN ĐÔNG NĂM 2026 - ĐỢT 2

(Phụ lục kèm thông báo đấu giá số 1981/2026/TBĐG-BP ngày 19/9/2026 của Công ty đấu giá hợp danh Bình Phú)

Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến 16 giờ 00 phút ngày 27/9/2026.

+ Tại Ban Quản lý Dịch vụ công ích và Phát triển quỹ đất phường An Nhơn Đông (Địa chỉ: Số 244 đường Trường Chinh, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai): Từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút, ngày 28/9/2026

Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 30/9/2026, tại Ban Quản lý Dịch vụ công ích và Phát triển quỹ đất phường An Nhơn Đông (Địa chỉ: Số 244 đường Trường Chinh, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai).

STT	Khu, điểm dân cư / Lô số	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)				
	1	2	3	4	5	6=2*5				7
A.	Khu dân cư do UBND thị xã (trước đây) đầu tư									
I.	Khu dân cư đường N4A nối dài về phía Đông tại phường Nhơn Hưng									
1.	Khu LK05 (tại phường Nhơn Hưng)	4.728,20				39.512.886.000				
1	01	137,70	Đường N2	14m	9.020.000	1.242.054.000	38.000.000	248.410.800	200.000	Giáp đường kỹ thuật
2	02	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
3	03	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
4	04	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
5	05	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
6	06	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
7	07	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
8	08	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
9	09	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
10	10	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
11	11	100,00	Đường N2 và đường KT	14m và 4m	9.020.000	902.000.000	32.000.000	180.400.000	100.000	Giáp đường kỹ thuật
12	12	100,00	Đường N2 và đường KT	14m và 4m	9.020.000	902.000.000	32.000.000	180.400.000	100.000	Giáp đường kỹ thuật
13	13	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
14	14	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
15	15	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
16	16	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
17	17	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
18	18	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
19	19	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
20	20	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
21	21	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
22	22	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	



STT	Khu, điểm dân cư /Lô số	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng/lô)				
					5	6=2*5				7
23	23	140,00	Đường N2 và đường KT	14m và 4m	9.020.000	1.262.800.000	38.000.000	252.560.000	200.000	Giáp đường kỹ thuật
24	24	119,60	Đường N2 và đường KT	14m và 4m	9.020.000	1.078.792.000	33.000.000	215.758.400	200.000	Giáp đường kỹ thuật
25	25	96,90	Đường N2	14m	8.200.000	794.580.000	28.000.000	158.916.000	100.000	
26	26	97,90	Đường N2	14m	8.200.000	802.780.000	29.000.000	160.556.000	100.000	
27	27	99,00	Đường N2	14m	8.200.000	811.800.000	29.000.000	162.360.000	100.000	
28	28	100,00	Đường N2	14m	8.200.000	820.000.000	29.000.000	164.000.000	100.000	
29	29	101,10	Đường N2	14m	8.200.000	829.020.000	30.000.000	165.804.000	100.000	
30	30	102,10	Đường N2	14m	8.200.000	837.220.000	30.000.000	167.444.000	100.000	
31	31	103,20	Đường N2	14m	8.200.000	846.240.000	30.000.000	169.248.000	100.000	
32	32	104,20	Đường N2	14m	8.200.000	854.440.000	30.000.000	170.888.000	100.000	
33	33	105,20	Đường N2	14m	8.200.000	862.640.000	31.000.000	172.528.000	100.000	
34	34	106,30	Đường N2	14m	8.200.000	871.660.000	31.000.000	174.332.000	100.000	
35	35	107,30	Đường N2 và đường KT	14m và 4m	9.020.000	967.846.000	34.000.000	193.569.200	100.000	Giáp đường kỹ thuật
36	36	112,50	Đường N2 và đường KT	14m và 4m	9.020.000	1.014.750.000	31.000.000	202.950.000	200.000	Giáp đường kỹ thuật
37	37	116,30	Đường N2	14m	8.200.000	953.660.000	34.000.000	190.732.000	100.000	
38	38	120,00	Đường N2	14m	8.200.000	984.000.000	35.000.000	196.800.000	100.000	
39	39	123,80	Đường N2	14m	8.200.000	1.015.160.000	31.000.000	203.032.000	200.000	
40	40	127,50	Đường N2	14m	8.200.000	1.045.500.000	32.000.000	209.100.000	200.000	
41	41	94,10	Đường N2 và đường D5	14m và 16m	9.840.000	925.944.000	33.000.000	185.188.800	100.000	Lô góc
42	42	88,60	Đường D5	16m	8.000.000	708.800.000	25.000.000	141.760.000	100.000	
43	43	98,40	Đường D5	16m	8.000.000	787.200.000	28.000.000	157.440.000	100.000	
44	44	108,30	Đường D5	16m	8.000.000	866.400.000	31.000.000	173.280.000	100.000	
45	45	118,20	Đường D5	16m	8.000.000	945.600.000	34.000.000	189.120.000	100.000	
2.	Khu LK06 (tại phường Nhơn Hưng)	487,50				4.212.340.000				
46	11	131,00	Đường D5 và đường N2	16m và 14m	9.840.000	1.289.040.000	39.000.000	257.808.000	200.000	Lô góc
47	12	87,10	Đường N2	14m	8.200.000	714.220.000	25.000.000	142.844.000	100.000	
48	13	88,50	Đường N2	14m	8.200.000	725.700.000	26.000.000	145.140.000	100.000	
49	14	89,80	Đường N2	14m	8.200.000	736.360.000	26.000.000	147.272.000	100.000	
50	15	91,10	Đường N2	14m	8.200.000	747.020.000	27.000.000	149.404.000	100.000	
3.	Khu LK07 (tại phường Nhơn Hưng)	1.161,10				9.546.560.000				
51	01	125,00	Đường D5	16m	8.000.000	1.000.000.000	30.000.000	200.000.000	200.000	
52	02	125,00	Đường D5	16m	8.000.000	1.000.000.000	30.000.000	200.000.000	200.000	
53	03	125,00	Đường D5	16m	8.000.000	1.000.000.000	30.000.000	200.000.000	200.000	
54	04	125,00	Đường D5	16m	8.000.000	1.000.000.000	30.000.000	200.000.000	200.000	
55	05	125,00	Đường D5	16m	8.000.000	1.000.000.000	30.000.000	200.000.000	200.000	

01.000
 01.000
 GIÁ
 ANH
 PHÚ
 NG-T.9

STT	Khu, điểm dân cư / Lô số	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng/lô)				
					5	6=2*5				7
56	06	125,00	Đường D5	16m	8.000.000	1.000.000.000	30.000.000	200.000.000	200.000	
57	07	125,00	Đường D5	16m	8.000.000	1.000.000.000	30.000.000	200.000.000	200.000	
58	08	125,00	Đường D5	16m	8.000.000	1.000.000.000	30.000.000	200.000.000	200.000	
59	09	161,10	Đường D5 và đường N1A	16m và 14m	9.600.000	1.546.560.000	47.000.000	309.312.000	200.000	Lô góc
4.	Khu LK28 (tại xã Nhơn An)	1.407,60				14.491.200.000				
60	32	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
61	35	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
62	36	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
63	37	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
64	38	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
65	39	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
66	40	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
67	43	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
68	44	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
69	46	120,00	Đường N4A	32m	10.000.000	1.200.000.000	36.000.000	240.000.000	200.000	
70	47	207,60	Đường N4A và đường D10	32m và 14m	12.000.000	2.491.200.000	50.000.000	498.240.000	200.000	Lô góc
TỔNG CỘNG		7.784,40				67.762.986.000				



GIÁM ĐỐC

Đào Đức Thọ

22.C.T.H.Đ
/A LAI *